

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/7/2020
V/v: “tranh chấp hôn nhân gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Diêm Đăng Hoat

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Diêm Đăng Tu sinh năm 1980

Nơi cư trú: thôn Y, xã P, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- Bị đơn: chị Trần Thị Ta, sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn S (thôn P cũ), xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Diêm Đăng Tu trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị Ta năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị Ta về nhà anh làm dâu tại thôn Y, xã P. Ban đầu, tình cảm vợ chồng hoà thuận. Từ năm 2015, anh đi làm ăn xa thì chị Ta về nhà để sinh sống từ năm 2017. Anh đã nhiều lần gọi chị về đoàn tụ nhưng chị Ta không về, anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh thấy không thể hàn gắn tình cảm với chị Ta được nữa, anh yêu cầu ly hôn chị Ta.

Về con chung: anh và chị Ta có 03 con chung là Diêm Đăng T1, sinh ngày 03/10/2007; Diêm Đăng T2, sinh ngày 30/8/2009 và Diêm Minh K, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay hai cháu lớn đang ở với anh, còn cháu K đang ở cùng chị Ta. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu lớn và không yêu cầu chị Ta phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu K thì để cho chị Ta tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với chị Trần Thị Ta là bị đơn trong vụ án*, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong các buổi hòa giải, làm việc tại Tòa án chị Ta đều vắng mặt không có lý do và Tòa án cũng không thu thập được ý kiến của chị Ta.

Tại phiên tòa: chị Ta vắng mặt.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tu, giao cháu T1 và cháu T2 cho anh Tu tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu K cho chị Ta tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Tu với bị đơn là chị Ta có nơi cư trú tại thôn S (xóm P cũ), xã L, huyện Tân Yên là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Chị Ta đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Ta.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Tu với chị Ta:

Mặc dù không có lời khai của chị Ta nhưng qua lời khai của anh Tu và các tài liệu chứng cứ thu thập được. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Anh Tu và chị Ta tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P năm 2006 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận. Đến năm 2015, do anh Tu đi làm ăn xa dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống và về vấn đề làm ăn

kinh tế gia đình. Chị Ta đã về nhà mẹ đẻ ở xã L sinh sống từ năm 2017, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Qua xác minh, địa phương và gia đình cũng cho biết anh Tu chị Ta mâu thuẫn và ly thân như trên. Nay anh Tu xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu ly hôn chị Ta. HĐXX thấy: mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tu, cho anh Tu ly hôn chị Ta là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Tu và chị Ta có 3 con chung là Diêm Đăng T1, sinh ngày 03/10/2007, Diêm Đăng T2, sinh ngày 30/8/2009 và Diêm Minh K, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay cháu T1 và cháu T2 đang ở với anh Tu, còn cháu K ở với chị Ta. Khi ly hôn, anh Tu yêu cầu được nuôi cháu T1 và cháu T2, còn cháu K để cho chị Ta tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX thấy, kể từ khi chị Ta về nhà đẻ sinh sống (năm 2017) đến nay, cháu T1 và cháu T2 vẫn ở cùng anh Tu. Hiện nay sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu vẫn tốt. Cháu T1 và cháu T2 đều có nguyện vọng ở với anh Tu. Anh Tu làm ruộng và bán hàng tạp hoá, thu nhập đủ điều kiện nuôi các cháu. Do vậy, cần giao cho anh Tu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và T2 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với cháu K, tuy không lấy được lời khai của chị Ta nhưng qua lời khai của anh Tu, của gia đình chị Ta cũng xác định được cháu đang ở với chị Ta từ khi mới sinh đến nay. Hiện tại, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, sức khỏe, sinh hoạt của cháu vẫn bình thường. Chị Ta đi làm công nhân cũng có đủ điều kiện nuôi cháu. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cho chị Ta tiếp tục nuôi dưỡng cháu K.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tu, chị Ta không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh Tu, chị Ta không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: anh Tu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Diêm Đăng Tu được ly hôn chị Trần Thị Ta.

2. Về con chung: Giao cho anh Diêm Đăng Tu tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Diêm Đăng T1, sinh ngày 03/10/2007 và Diêm Đăng T2, sinh ngày 30/8/2009. Giao cho chị Trần Thị Ta tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Diêm Minh K, sinh ngày 31/10/2017. Anh Tu, chị Ta có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Tu, chị Ta thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: anh Diêm Đăng Tu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006136 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Tu đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

**Nơi nhận:
THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Tân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

** Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Quyến, sinh năm 1974 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đồng Sào 1, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh Nguyễn Phương Du, sinh năm 1976 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Quỳên, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả

tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Quyến được ly hôn anh Nguyễn Phương Du.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung: Chị Quyến xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Quyến xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Án phí: Chị Vũ Thị Quyến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001834 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Vũ Thị Quyến đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân